

Số: 773 /QĐ-UBND

Sơn La, ngày 25 tháng 4 năm 2024

**QUYẾT ĐỊNH**

**Phê duyệt Chương trình phát triển đô thị thành phố Sơn La đến năm 2030**

**ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH SƠN LA**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;*

*Căn cứ Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 ngày 18/6/2014; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng số 62/2020/QH14 ngày 17/6/2020;*

*Căn cứ Luật Quy hoạch đô thị 30/2009/QH12 ngày 17/6/2009; Luật Quy hoạch 21/2017/QH14 ngày 24/11/2017; Luật 35/2018/QH14 ngày 20/11/2018 sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 Luật có liên quan đến quy hoạch;*

*Căn cứ Nghị quyết số 06-NQ/TW ngày 24/01/2022 của Bộ Chính trị về quy hoạch, xây dựng, quản lý và phát triển bền vững đô thị Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045; Nghị quyết số 11-NQ/TW ngày 10/02/2022 của Bộ Chính trị về phát triển kinh tế - xã hội và bảo đảm quốc phòng, an ninh vùng trung du và miền núi Bắc Bộ đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045;*

*Căn cứ Nghị quyết số 1210/2016/UBTVQH13 ngày 25/5/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về phân loại đô thị; Nghị quyết số 26/2022/UBTVQH15 ngày 21/9/2022 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị quyết số 1210/2016/UBTVQH13 ngày 25/5/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về phân loại đô thị;*

*Căn cứ Nghị định số 11/2013/NĐ-CP ngày 14/01/2013 của Chính phủ về quản lý đầu tư phát triển đô thị; Nghị định số 35/2013/NĐ-CP ngày 20/6/2013 của Chính phủ sửa đổi bổ sung một số điều của các Nghị định thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng;*

*Căn cứ Thông tư số 06/2023/TT-BXD ngày 08/09/2023 hướng dẫn một số nội dung về chương trình phát triển đô thị;*

*Căn cứ Quyết định số 1676/QĐ-TTg ngày 25/12/2023 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch tỉnh Sơn La thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050;*

*Căn cứ Nghị quyết 315/NQ-HĐND ngày 17/4/2024 của HĐND tỉnh Sơn La thông qua Chương trình phát triển đô thị thành phố Sơn La đến năm 2030;*

*Căn cứ các Quyết định UBND tỉnh về đề cương và Chương trình phát triển đô thị tỉnh Sơn La đến năm 2030 số 2551/QĐ-UBND ngày 08/12/2022;*

*Quyết định số 2583/QĐ-UBND ngày 01/12/2023; Quyết định số 383/QĐ-UBND ngày 03/03/2024;*

*Theo đề nghị của Sở Xây dựng tại Tờ trình số 58/TTr-SXD ngày 27/02/2024, Báo cáo thẩm định số 92/BC-SXD ngày 27/02/2024 và Báo cáo số 215/BC-SXD ngày 23/4/2024; Kết quả biểu quyết của Thành viên UBND tỉnh Khóa XV tại Thông báo số 174/TB-VPUB ngày 24/4/2024.*

## **QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Phê duyệt Chương trình phát triển đô thị thành phố Sơn La đến năm 2030 (*sau đây gọi là Chương trình*) với những nội dung chính như sau:

**1. Tên Chương trình:** Chương trình phát triển đô thị thành phố Sơn La đến năm 2030.

### **2. Quan điểm, mục tiêu phát triển**

#### **2.1. Quan điểm**

- Phát triển đô thị thành phố Sơn La phù hợp với Quy hoạch tổng thể phát triển hệ thống đô thị Quốc gia; định hướng quy hoạch hệ thống đô thị trong Quy hoạch tỉnh Sơn La thời kỳ 2021 – 2030, tầm nhìn đến năm 2050; Chương trình phát triển đô thị tỉnh Sơn La đến năm 2030 và Quy hoạch chung xây dựng thành phố Sơn La đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt; kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh và của thành phố nhằm khai thác tối đa các động lực phát triển, đáp ứng mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội.

- Phát triển đô thị thành phố Sơn La từng bước nâng cao chất lượng, diện mạo kiến trúc cảnh quan đô thị theo hướng đô thị xanh, thông minh, hiện đại, bảo tồn và phát huy các giá trị lịch sử, văn hóa của dân tộc gắn với bảo vệ môi trường, phấn đấu trở thành cực tăng trưởng, hạt nhân quan trọng trong phát triển kinh tế vùng, trung tâm kinh tế vùng và là đô thị trung tâm của tiểu vùng Tây Bắc về giáo dục đào tạo, y tế, văn hóa, thể thao, thương mại, dịch vụ.

- Thực hiện phát triển đô thị và nông thôn đồng bộ, giải quyết khắc phục các định hướng còn yếu, thiếu của đô thị, tạo sự liên kết giữa các lĩnh vực, đáp ứng các nhu cầu cơ bản về vật chất, tinh thần của nhân dân; phát triển hài hòa giữa đô thị, nông thôn, con người và thiên nhiên; sử dụng hợp lý tài nguyên thiên nhiên, đất đai, tiết kiệm năng lượng bảo vệ tốt môi trường, giữ gìn cân bằng sinh thái. Xây dựng đồng bộ cơ sở hạ tầng xã hội và hạ tầng kỹ thuật phù hợp với điều kiện của đô thị miền núi, theo yêu cầu khai thác, sử dụng và chương trình phát triển của mỗi đô thị. Kết hợp chặt chẽ với việc bảo đảm an ninh, quốc phòng và an toàn xã hội.

- Đảm bảo tính đồng bộ thống nhất về xây dựng cơ chế, chính sách và triển khai thực hiện Chương trình. Nâng cao nhận thức về quản lý quy hoạch, xây dựng và phát triển đô thị.

- Lồng ghép có hiệu quả với các chương trình, kế hoạch, dự án đang thực

hiện hoặc đã được phê duyệt liên quan tới phát triển đô thị. Các Chương trình kế hoạch phát triển đô thị phải được tích hợp các yêu cầu về phát triển bền vững, phát triển đô thị xanh, tiết kiệm năng lượng, ứng phó với biến đổi khí hậu.

## 2.2. Mục tiêu phát triển

- Cụ thể hóa Chương trình phát triển đô thị quốc gia, Chương trình phát triển đô thị tỉnh, Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh Sơn La lần thứ XV, nhiệm kỳ 2020 - 2025 và các chương trình, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, kế hoạch đầu tư công trung hạn có liên quan nhằm phát huy tối đa hiệu quả đầu tư phát triển kinh tế, xã hội.

- Nhằm huy động nguồn lực để đầu tư xây dựng phát triển đô thị, đảm bảo nâng cao chất lượng, diện mạo kiến trúc cảnh quan đô thị; từng bước đầu tư xây dựng hoàn chỉnh hệ thống hạ tầng kinh tế, kỹ thuật và hạ tầng xã hội trên địa bàn kết nối các khu vực phát triển đô thị hoàn chỉnh, thúc đẩy sự phát triển của đô thị theo từng giai đoạn phát triển; phân công trách nhiệm cho các tổ chức, cá nhân có liên quan; đồng thời cụ thể hóa các nhiệm vụ để thực hiện các nội dung của Kết luận số 353-KL/TU ngày 07/9/2021 của Ban Thường vụ tỉnh ủy và Quyết định số 1644/QĐ-UBND ngày 11/8/2022 của UBND tỉnh Sơn La về phát triển thành phố Sơn La theo định hướng đô thị loại I.

- Từng bước hoàn thiện, nâng cao chất lượng đô thị, kết hợp quản lý quy hoạch đô thị gắn với phát triển nông thôn và xây dựng nông thôn mới; giữ gìn và phát huy những giá trị, bản sắc, tăng cường sức cạnh tranh trong tỉnh và vùng làm cơ sở cho việc phân loại đô thị, xác định lộ trình đầu tư phát triển đô thị, các khu vực ưu tiên phát triển đô thị; triển khai các giải pháp và nhiệm vụ thực hiện cho từng giai đoạn nhằm hoàn thiện cơ chế chính sách, thu hút nguồn vốn và huy động các nguồn lực đầu tư vào mục tiêu xây dựng đô thị. Đến năm 2025, phần đầu hoàn thành, nâng cao các chỉ tiêu, tiêu chí đô thị loại II còn thiếu và yếu; đến năm 2030 hướng tới cơ bản đạt các tiêu chí đô thị loại I trực thuộc tỉnh.

## 3. Các chỉ tiêu chủ yếu phát triển đô thị

### 3.1. Một số chỉ tiêu chủ yếu

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Hiện trạng	Kế hoạch đến năm		
				2024	2025	2030
1	Quy mô dân số	Nghìn người	127,022	130	160	175
2	Mật độ dân số toàn đô thị	người/km <sup>2</sup>	1.186	1.236	1.289	1.468
3	Mật độ dân số tính trên diện tích đất xây dựng đô thị khu vực nội thành	người/km <sup>2</sup>	1.321	1.377	1.435	1.635
4	Tỷ lệ đất xây dựng đô thị trên diện tích đất tự nhiên toàn đô thị	%	3,0	3,9	5,0	6,4

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Hiện trạng	Kế hoạch đến năm		
				2024	2025	2030
5	Diện tích nhà ở bình quân đầu người khu vực nội thành nội thị	m <sup>2</sup> /người	30,32	31,05	31,5	33,5
6	Tỷ lệ nhà kiên cố bán kiên cố khu vực nội thị	%	97,33	97,45	97,62	98,78
7	Diện tích cây xanh bình quân đầu người khu vực nội thành, nội thị	m <sup>2</sup> /người	10,2	10,3	10,5	11,1
8	Diện tích cây xanh toàn đô thị	m <sup>2</sup> /người	17,01	17,2	17,5	18,2
9	Tỷ lệ đất giao thông đô thị so với đất xây dựng đô thị khu vực nội thành nội thị	%	15,84	15,95	16,1	16,5
10	Mật độ đường giao thông đô thị (tính đến đường có bề rộng mặt đường $\geq 14$ m)	km/km <sup>2</sup>	6,17	6,3	6,5	6,9
11	Mức tiêu thụ nước sạch qua hệ thống cấp nước tập trung bình quân đầu người	lít/người/ngày/đêm	120	123	125	130
12	Cấp điện sinh hoạt bình quân đầu người	kwh/người/năm	878,5	880	920	1.100
13	Tỷ lệ nước thải đô thị đạt quy chuẩn kỹ thuật khu vực nội thành, nội thị	%	18,86	20,5	28,5	50
14	Tỷ lệ ngõ, ngách, hẻm được chiếu sáng	(%)	62,9	65	70	80
15	Tỷ lệ chất thải rắn ở đô thị được thu gom	%	98,5	99	99,2	100
16	Tỷ lệ dùng hình thức hỏa táng	%	15,1	16,5	19,7	>30
17	Tỷ lệ tuyến phố văn minh đô thị	%	51,35	55	60	70
18	Số thuê bao băng rộng di động trên 100 dân	100 dân	77	78	80	85

### 3.2. Về mở rộng địa giới hành chính

Dự kiến mở rộng địa giới hành chính thành phố Sơn La bao gồm 07 phường và 05 xã hiện trạng và khu vực mở rộng thành phố gồm 04 xã (*Chiềng Mung, Chiềng Ban, Hát Lót, Mường Bon*) của huyện Mai Sơn, diện tích phần

mở rộng về huyện Mai Sơn là khoảng 5.222 ha (trừ diện tích khoảng 14,15 ha của Trạm Ra đũa 37 thuộc địa giới hành chính của xã Chiềng Mung do phân diện tích này dự kiến sẽ chuyển về địa giới hành chính của xã Mường Bon, huyện Mai Sơn). Tổng đơn vị hành chính thuộc thành phố dự kiến sau khi mở rộng địa giới hành chính là 13 đơn vị, gồm: 04 xã (Chiềng Xôm, Chiềng Ngần, Chiềng Cọ, Chiềng Đen); 09 phường (07 phường hiện trạng Chiềng An, Tô Hiệu, Chiềng Lê, Quyết Tâm, Quyết Thắng, Chiềng Cơi, Chiềng Sinh; trong đó, phường Chiềng Sinh sáp nhập thêm một phần diện tích của xã Chiềng Ban) và 02 phường mới (01 phường gồm toàn bộ hiện trạng xã Chiềng Mung, huyện Mai Sơn hiện nay và một phần của xã Hát Lót; 01 phường Hua La).

#### **4. Chương trình phát triển cơ sở hạ tầng ưu tiên và kiến trúc cảnh quan**

**4.1. Giai đoạn đến năm 2025:** Tập trung đầu tư xây dựng tương đối hoàn chỉnh đô thị với các khu vực nội thị hiện hữu; ưu tiên phát triển các hướng phía Đông Bắc, Tây Nam và hướng Nam, chủ yếu bám theo các tuyến giao thông đối ngoại chính (QL6, Sơn La - Hát Lót; cao tốc Hòa Bình - Mộc Châu - Sơn La; QL279D ...), cụ thể:

- Theo hướng Chiềng Cơi - Chiềng Xôm: Phát triển hai bên bờ suối Nậm La đoạn từ cầu Coóng Nọi đến hết địa giới hành chính phường Chiềng An.

- Theo hướng Chiềng Sinh - Nà Sản: Phát triển dọc hai bên tuyến đường Quốc lộ 6.

- Theo hướng Quyết Thắng - Chiềng Ngần - Chiềng Sinh: Phát triển hai bên đường Chiềng Ngần - Chiềng Sinh; các đoạn từ phường Tô Hiệu đến hết địa giới hành chính phường Quyết Thắng và đoạn từ bản Ka Láp - đường Lê Duẩn.

- Theo hướng Tây Nam: Trục Quốc lộ 6 (tuyến tránh thành phố), gắn với khu đô thị phía Tây Nam thành phố.

- Theo hướng Đông Bắc: Phát triển khu vực hồ Tuổi trẻ, phường Chiềng Lê và phường Chiềng An.

- Vùng phát triển mở rộng đô thị: Chủ yếu về phía Đông Nam, khu vực Chiềng Sinh, Chiềng Mung, Hát Lót và Khu đô thị Chiềng Ngần.

- Vùng bảo vệ sinh thái: Phía Tây, phía Bắc - xã Chiềng Đen, xã Chiềng Xôm và xã Chiềng Ngần.

- Vùng nông nghiệp sinh thái: Phía Nam, khu vực Hát Lót, Chiềng Mung, Chiềng Ban, Hua La.

**4.2. Giai đoạn 2026 - 2030:** Phát triển theo hướng Nam, Đông Nam theo định hướng mở rộng đô thị Thành phố theo đồ án quy hoạch chung xây dựng thành phố đến năm 2045 dọc theo tuyến đường QL6; tập trung hình thành đầu mối giao thông kết hợp với các hoạt động kinh tế phụ trợ tại khu vực Cảng hàng không không Nà Sản.

**5. Các chương trình, dự án trọng điểm ưu tiên:** Việc xác định các dự án trọng điểm ưu tiên dựa trên cơ sở đồ án quy hoạch chung xây dựng thành phố đến năm 2045, các đồ án quy hoạch phân khu và quy hoạch chi tiết xây dựng đã

được cấp có thẩm quyền phê duyệt; các dự án, công trình mang tính đột phá, lan tỏa để tập trung thu hút đầu tư, từng bước xây dựng, phát triển thành phố Sơn La theo định hướng đô thị loại I; kế hoạch đầu tư công trung hạn và dài hạn của tỉnh Sơn La, của thành phố Sơn La và huyện Mai Sơn (*thuộc phạm vi mở rộng địa giới thành phố*). Danh mục các dự án đề xuất làm cơ sở để triển khai thực hiện theo từng giai đoạn, trong đó đối với các dự án thực hiện trên phần diện tích mở rộng về phía huyện Mai Sơn khi chưa triển khai thực hiện việc mở rộng địa giới hành chính sẽ do UBND huyện Mai Sơn thực hiện khi đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

**5.1. Giai đoạn đến năm 2025:** (1) Các dự án Khu di tích Quốc gia đặc biệt Nhà tù Sơn La; (2) Phát triển đầu mối giao thông đường bộ tích hợp với phát triển cảng hàng không lưỡng dụng Nà Sản; (3) Xây dựng cụm Công nghiệp Hoàng Văn Thụ; (4) Mở rộng, hoàn thiện đầu nối tuyến đường đi khu công nghiệp Mai Sơn; (5) Nghiên cứu lập quy hoạch chi tiết khu du lịch Hồ Tiên Phong; (6) Chinh trang mở rộng tuyến QL6 và phát triển các tuyến đường ngang; (7) Hình thành các trung tâm thương mại dịch vụ cấp xã; (8) Khai thác du lịch cộng đồng hồ bản Mòng; (9) Hoàn thiện kết nối giao thông nông thôn với hệ thống đường đô thị; (10) Đầu tư xây dựng hạ tầng thoát và phòng chống lũ suối Nậm La; (11) Triển khai dự án thoát nước thải đô thị và trạm bơm giai đoạn 2; (12) di chuyển Trạm biến áp Sơn La 1 và mạng lưới 110kV ra ngoài nội thị; (13) Đầu tư nhà máy nước bản Mòng; (14) Cải tạo, nạo vét và thanh thải Suối Nậm La; (15) Khu nhà ở thương mại, nhà ở xã hội trên địa bàn; (16) Công viên nghĩa trang thành phố.

**5.2. Giai đoạn 2026 - 2030:** (1) Thu hút đầu tư sân Golf 18 lỗ; (2) Khu du lịch hồ Tiên Phong; (3) Mở rộng Khu công nghiệp Chiềng Mung; (4) Phát triển trung tâm giao thương văn hóa vùng Tây Bắc; (5) Tuyến đường kết nối trục cảnh quan nối sân Golf, trung tâm thương mại với các khu vực phát triển kinh doanh sản xuất trên QL6; (6) Kêu gọi thu hút đầu tư tuyến cao tốc Mộc Châu - Sơn La và đường dẫn đi vào trung tâm thành phố; (7) Tuyến đường tránh QL6 từ Chiềng Mung đi đường 4G; (8) Khai thác sân bay Nà Sản (9); Khu vui chơi giải trí tại Chiềng Ngần; (10) Hoàn thiện đồng bộ nhà máy nước thải số 2, 3; (11) Xây dựng trạm biến áp 110kV Sơn La 2; (12) Nhà máy cấp nước từ nguồn cấp nước Hồ Chiềng Dong, huyện Mai Sơn.

**6. Chương trình kế hoạch phát triển các khu vực được xác định theo quy hoạch đô thị để tập trung đầu tư hình thành đồng bộ hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội và kiến trúc cảnh quan đô thị theo từng giai đoạn**

### **6.1. Khu vực 1 - Khu đô thị lịch sử:**

Phạm vi các phường trung tâm hiện nay; là phân khu bảo tồn không gian lịch sử của thành phố với quy mô khoảng 1.674,01 ha; các định hướng phát triển không gian gồm: Cập nhật và đồng bộ hoá hệ thống quy hoạch chi tiết đã và đang triển khai trên địa bàn các phường trung tâm; cải tạo chỉnh trang không gian tuyến phố, các không gian công cộng; bảo tồn hệ sinh thái tự nhiên, hạn chế tác động khai thác mở rộng đất; ổn định các khu dân cư ngoại vi trung tâm, xây dựng và chuẩn bị hạ tầng cho phát triển thương mại, dịch vụ.

## **6.2. Khu vực 2 - Khu đô thị Chiềng Sinh:**

Là phân khu phát triển trọng điểm của thành phố bao gồm phường Chiềng Sinh và một phần xã Chiềng Ban (giới hạn bởi đường tránh QL6). Tổ chức không gian đô thị theo hướng mở thêm các đường nhánh kết nối tới 2 tuyến đường giảm tải cho QL6 để gia tăng tập trung dân cư, hình thành các không gian kinh tế - thương mại - thể thao cấp vùng tại các khu vực có cảnh quan, thuận lợi tiếp cận giao thông liên vùng, với quy mô khoảng 1.944,66 ha. Định hướng phát triển không gian gồm: cập nhật và đồng bộ các quy hoạch chi tiết dọc tuyến đường trục chính; phát triển các kết nối giao thông và hoạt động về hướng Chiềng Ngần và đường tránh QL6 nhằm tạo hướng mở đô thị; tái tổ chức không gian cảnh quan khu vực trung tâm, giao thương văn hóa vùng Tây Bắc mang tính kết nối liên mạch với trung tâm tương lai và đường tránh QL6; cải tạo hệ thống cây xanh, công viên liên tục tạo trục xanh trong lõi các khu vực đang phát triển; phát triển các chức năng mới về dịch vụ thể thao cao cấp và du lịch.

## **6.3. Khu vực 3 - Khu đô thị Chiềng Sinh - Nà Sản:**

Là khu vực phát triển chiến lược của thành phố, đóng vai trò quan trọng trong việc mở rộng phát triển về phía Đông Nam. Phân khu nằm phần lớn trên địa bàn của xã Chiềng Mung và tiểu khu Tiên Phong, tiểu khu Nà Sản. Tổ chức không gian theo hướng mật độ xây dựng thấp, tập trung phát triển các hình thái không gian công nghiệp, khu du lịch và đầu mối giao thông. Quy mô khoảng 2.128,43 ha. Định hướng phát triển không gian gồm: Phối hợp nghiên cứu nhằm nâng cao tính khả thi của dự án phát triển sân bay Nà Sản, khu du lịch Hồ Tiên Phong, công nghiệp Chiềng Mung, các quỹ đất ở sinh thái; kiểm soát không gian, tổ chức lập quy hoạch chi tiết các khu du lịch nghỉ dưỡng, khu đô thị, khu vực sân bay, quân sự, khu công nghiệp nhằm kêu gọi triển khai dự án đầu tư; mở rộng, nâng chỉnh tuyến giao thông QL6 đảm bảo các yếu tố đối ngoại và đối nội đô thị, kết nối tuyến đường đi khu công nghiệp Mai Sơn hình thành hệ vành đai cho thành phố.

## **6.4. Khu vực 4 - Khu đô thị Chiềng Ngần:**

Là khu vực dự trữ mở rộng cho thành phố khi hoàn chỉnh các chuỗi kết nối giữa Trung tâm hành chính tỉnh, Khu công nghiệp Mai Sơn và đô thị Hát Lót. Phân khu đóng vai trò như là khu dịch vụ hậu cần cho các phát triển vận tải, sửa chữa cho kết nối vành đai đô thị đi Mường La, thủy điện Sơn La và liên kết các đô thị Lai Châu, Yên Bái, Phú Thọ. Quy mô phân khu khoảng 1.349,78 ha. Định hướng phát triển không gian gồm: Khai thác các lợi thế kết nối với các cụm, khu công nghiệp và là tuyến vành đai thành phố đi Mường La; phát triển các không gian văn hóa, làng bản, khu ở sinh thái các chức năng vui chơi giải trí cho nhu cầu của thành phố; hình thành các tuyến kết nối với trung tâm kinh tế của thành phố qua các tuyến kết nối qua khu vực Trường Đại học Tây Bắc, qua khu vực dự kiến phát triển hoạt động thể thao và đào tạo vận động viên.

## **6.5. Khu vực 5 - Khu đô thị sinh thái Hua La:**

Là khu chức năng về du lịch nghỉ dưỡng và trải nghiệm văn hóa bản sắc trong phát triển đô thị. Phân khu được hình thành dựa trên nền tảng điều kiện tự

nhiên của núi rừng và hồ bản Mòng. Ngoài ra việc phát triển về Hua La còn là điều kiện để tiếp cận tới tuyến cao tốc Mộc Châu - Sơn La - Điện Biên. Quy mô phân khu khoảng 1.833,40 ha. Các định hướng phát triển không gian gồm: Khai thác các lợi thế về cảnh quan hồ Bản Mòng; bảo tồn các không gian làng bản cộng đồng gắn với phát triển hoạt động du lịch trải nghiệm; phát triển các không gian ở sinh thái, các khu nghỉ dưỡng biệt lập.

#### **6.6. Đối với các khu vực còn lại, chủ yếu là khu vực ngoại thị:**

Tiếp tục đầu tư xây dựng nông thôn mới nâng cao, nông thôn mới kiểu mẫu, hướng tới đô thị hóa trong tương lai. Tập trung làm tốt quy hoạch nông thôn, hướng đến phát triển đô thị, khớp nối tốt giữa hạ tầng nông thôn mới hiện tại và đô thị trong tương lai, với tầm nhìn xa, bảo đảm hạ tầng nông thôn mới sau khi xây dựng xong trở thành cơ sở phục vụ cho đô thị hóa. Nghiên cứu quy hoạch, xây dựng các xã vùng ven đô thị trở thành vành đai xanh, hạn chế bê tông hóa, có chức năng điều hòa, hướng tới phát triển đô thị xanh, nông thôn mới kiểu mẫu; quy hoạch một số khu vực nông thôn, thiết kế nhà mẫu, các công trình công cộng mang sắc thái đặc trưng riêng, độc đáo, nhằm tái tạo cảnh quan nông thôn truyền thống, vừa là nơi sống tốt của người dân, vừa phát triển du lịch.

#### **7. Các Chương trình, đề án trọng tâm để từng bước thực hiện phát triển bền vững đô thị**

Thực hiện quy hoạch chung đô thị thành phố Sơn La, các đề án quy hoạch phân khu, quy hoạch chi tiết, các chương trình, đề án, kế hoạch đã được duyệt, có khả năng cân đối được nguồn vốn đầu tư. Bổ sung các dự án, công trình phát huy tiềm năng, lợi thế thành phố sau mở rộng địa giới hành chính, sắp xếp theo lộ trình thực hiện đầu tư. Các dự án, công trình hạ tầng kinh tế - kỹ thuật quy mô lớn, tính chất phức tạp, góp phần hoàn thiện hệ thống hạ tầng khung đô thị thành phố, tạo điểm nhấn cho đô thị thành phố, động lực phát triển kinh tế - xã hội của thành phố, tỉnh, thực hiện các dự án trọng điểm theo Nghị quyết số 05-NQ/TU ngày 21/01/2021 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh và Đề án xây dựng và phát triển thành phố Sơn La theo định hướng đô thị loại I và phát triển xanh, nhanh, bền vững (*Quyết định số 1664/QĐ-UBND ngày 11/8/2022 của UBND tỉnh*) đưa ra các tiêu chí lựa chọn các dự án trọng điểm đến 2030, gồm: Dự án, công trình liên quan đến kiến trúc, cảnh quan phát triển đô thị, quốc phòng - an ninh; Dự án, công trình sử dụng đất có phạm vi thu hồi đất từ 5 ha trở lên, yêu cầu chuyên mục đích sử dụng đất lúa từ 10 ha trở lên; mức độ ảnh hưởng đến môi trường; Danh mục công trình tập trung thu hút đầu tư, từng bước xây dựng, phát triển thành phố Sơn La thành đô thị loại I.

*(Chi tiết tại Phụ lục kèm theo)*

#### **8. Nguồn lực và việc sử dụng nguồn lực, giải pháp, danh mục thứ tự ưu tiên các dự án đầu tư phát triển đô thị sử dụng nguồn vốn đầu tư công và các nguồn vốn khác ngoài vốn đầu tư công**

##### **8.1. Nguồn ngân sách nhà nước**



- Là nguồn vốn có vai trò hết sức quan trọng để đầu tư các công trình thiết yếu, cấp bách, các công trình phục vụ lợi ích cộng đồng mà khu vực tư nhân không đầu tư. Do nguồn vốn ngân sách còn hạn hẹp nên phải đẩy mạnh huy động các nguồn thu vào ngân sách nhà nước để đầu tư phát triển.

- Tiếp tục thực hiện giải pháp tăng nguồn thu, rà soát lại các nguồn thu trên địa bàn, tập trung khai thác các nguồn thu mới, đặc biệt là thu từ các dự án phát triển quỹ đất, khu đô thị, nhà ở thương mại... để góp phần tăng thu ngân sách. Đồng thời, tăng nguồn thu ngân sách thông qua việc tăng hỗ trợ từ Trung ương, tỉnh đối với những dự án trọng điểm có mục tiêu, phát sinh ngoài dự toán ngân sách nhưng rất cần cho quá trình phát triển kinh tế - xã hội của thành phố; tăng tỷ lệ điều tiết ngân sách từ Trung ương...

- Tiếp tục thực hiện hiệu quả cơ cấu lại đầu tư công theo hướng giảm đầu tư công trong cơ cấu vốn đầu tư toàn xã hội, trong đó tập trung vốn vào các ngành, lĩnh vực then chốt của nền kinh tế, các công trình, dự án trọng điểm, có sức lan tỏa, tạo động lực phát triển kinh tế - xã hội, tạo điều kiện để thu hút nguồn vốn khu vực tư nhân trong và ngoài nước, bảo đảm phát triển hài hòa giữa khu vực nội thị và ngoại thị.

## **8.2. Nguồn lực ngoài Nhà nước**

- Tiếp tục thu hút tối đa nguồn lực đầu tư, đa dạng hóa các hình thức huy động và sử dụng nguồn lực, nhất là các nguồn lực đầu tư ngoài nhà nước; nguồn lực từ khu vực tư nhân và các thành phần kinh tế khác để xây dựng hệ thống hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội theo hình thức đối tác công tư (PPP). Ưu tiên thu hút các nguồn lực của xã hội phát triển khu vực phát triển, mở rộng đô thị, các dự án thu hút đầu tư, phát triển và chỉnh trang đô thị.

- Thu hút đầu tư vào các hoạt động du lịch, thương mại, dịch vụ, phát triển các khu đô thị, sản xuất nông nghiệp nông thôn. Tạo điều kiện thuận lợi để các nhà đầu tư sớm xây dựng và đưa vào khai thác các dự án lớn, đóng góp cho phát triển kinh tế - xã hội của thành phố: các nhà máy trong khu công nghiệp; dự án du lịch nghỉ dưỡng sinh thái; sân golf; các dự án cơ sở lưu trú, trung tâm thương mại, khu vui chơi giải trí, nhà ở thương mại...

- Tiếp tục nghiên cứu, đổi mới, triển khai có hiệu quả phương thức “*Nhà nước hỗ trợ, nhân dân làm*” để thực hiện chương trình xây dựng nông thôn mới nâng cao; asphalt đường bê tông nội tổ, bản khu vực nội thị; thực hiện xã hội hoá các hoạt động giáo dục, đào tạo, y tế, văn hoá và thể dục thể thao.

**8.3. Nguồn vốn nước ngoài:** Tập trung thu hút trong thực hiện các dự án sử dụng nguồn vốn ODA; phối hợp tốt với các bộ, ngành Trung ương đẩy mạnh vận động các đối tác, các nhà tài trợ tiếp tục cung cấp ODA để phát triển kết cấu hạ tầng, nhất là các công trình về giao thông, cấp thoát nước, nước sạch vệ sinh môi trường, ứng phó biến đổi khí hậu.

**8.4. Dự kiến nhu cầu kinh phí, nguồn vốn:** Dự kiến nhu cầu kinh phí thực hiện khoảng 63.355 tỷ đồng (*Sáu mươi ba nghìn, ba trăm năm mươi năm tỷ đồng*), trong đó:

a) Giai đoạn đến 2025, dự kiến khoảng	13.418 tỷ đồng
- Nguồn ngân sách trung ương khoảng:	1.093 tỷ đồng
- Nguồn ngân sách địa phương khoảng:	3.278 tỷ đồng
- Nguồn vốn hợp pháp khoảng:	9.047 tỷ đồng
b) Giai đoạn đến năm 2030 dự kiến khoảng :	49.937 tỷ đồng
- Nguồn ngân sách trung ương khoảng:	5.687 tỷ đồng
- Nguồn ngân sách địa phương khoảng	17.058 tỷ đồng
- Nguồn vốn hợp pháp khoảng:	27.192 tỷ đồng

*(Tổng mức đầu tư của các dự án/nhóm dự án sẽ được tính toán và xác định cụ thể trong từng giai đoạn tùy vào khả năng huy động nguồn vốn, số liệu này không dùng để công bố phục vụ các nội dung khác ngoài Chương trình phát triển đô thị thành phố Sơn La đến năm 2030)*

## **Điều 2. Tổ chức thực hiện**

### **1. UBND thành phố Sơn La**

**1.1.** Tổ chức thực hiện công bố Chương trình phát triển đô thị thành phố Sơn La đến năm 2030, lưu trữ hồ sơ theo quy định của pháp luật về lưu trữ; chịu trách nhiệm về kết quả rà soát, đánh giá hiện trạng làm cơ sở xây dựng chỉ tiêu, tiêu chí phát triển đô thị và nội dung của Chương trình; thực hiện và phối hợp với các Sở, ban, ngành liên quan để triển khai thực hiện các nội dung của Chương trình đảm bảo theo quy định của pháp luật. Giải quyết kịp thời hoặc báo cáo, đề xuất cấp có thẩm quyền giải quyết kịp thời các vấn đề phát sinh, vướng mắc trong quá trình thực hiện. Lồng ghép các nội dung của Chương trình phát triển đô thị đã được phê duyệt vào kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm và hàng năm trên địa bàn đặc biệt là các chỉ tiêu phát triển đô thị.

**1.2.** Tập trung nguồn lực, tổ chức triển khai các chương trình, dự án đầu tư xây dựng phát triển đô thị, phát triển cơ sở hạ tầng và kiến trúc cảnh quan đô thị đáp ứng tiêu chí, tiêu chuẩn phân loại đô thị gắn với thực hiện kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, kế hoạch đầu tư công trung hạn và khả năng huy động nguồn lực từng giai đoạn và hàng năm.

**1.3.** Chủ trì rà soát, xây dựng các nội dung liên quan tới công tác phân loại đô thị đảm bảo theo quy định, quy hoạch và định hướng phát triển đô thị. Định kỳ hàng năm, tổ chức đánh giá hiện trạng đô thị, tổng hợp kết quả thực hiện Chương trình, báo cáo UBND tỉnh (*qua Sở Xây dựng*) định kỳ hoặc đột xuất theo yêu cầu.

**2. Sở Xây dựng:** Chủ trì phối hợp với các Sở, ngành liên quan hướng dẫn Ủy ban nhân dân thành phố thực hiện Chương trình phát triển đô thị thành phố Sơn La đến năm 2030 được duyệt và các quy hoạch theo quy định. Theo dõi, giám sát quá trình thực hiện Chương trình; kịp thời tham mưu, đề xuất, báo cáo UBND tỉnh để điều chỉnh, bổ sung chương trình phù hợp với tình hình thực tế.

**3. Các sở, ban, ngành có liên quan:** Theo chức năng, nhiệm vụ được giao hướng dẫn, phối hợp và kiểm tra, giám sát việc thực hiện Chương trình phát triển đô thị thành phố Sơn La theo quy định.

**Điều 3.** Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Thủ trưởng các Sở, ban, ngành của tỉnh; Chủ tịch UBND thành phố Sơn La, Chủ tịch UBND huyện Mai Sơn; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**Nơi nhận:**

- Bộ Xây dựng (b/c);
- TT Tỉnh uỷ, TT HĐND tỉnh;
- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Như Điều 3;
- Văn phòng UBND tỉnh (LĐVP; CVCK);
- Trung tâm Thông tin tỉnh;
- Lưu: VT, KT, Giang18b.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH**



**Lê Hồng Minh**



## DANH MỤC CÁC DỰ ÁN TRONG TÂM PHÁT TRIỂN ĐÔ THỊ THÀNH PHỐ SƠN LA

(Kèm theo Quyết định số 773 /QĐ-UBND ngày 25 /4/2024 của UBND tỉnh Sơn La)

TT	Dự án	Quy mô	Mức vốn đầu tư (triệu đồng)	Đơn vị chủ trì	Chi chú
	<b>TỔNG MỨC VỐN (Dự kiến)</b>		<b>42.941.000</b>		
<b>I</b>	<b>Giao thông</b>		<b>37.601.000</b>		
1	Đầu tư xây dựng tuyến cao tốc Mộc Châu - TP. Sơn La	Đầu tư XD tuyến đường đạt quy mô đường cao tốc chiều dài khoảng 105km	28.800.000	Sở Giao thông Vận tải Sở kế hoạch và Đầu tư	Dài hạn
2	Đầu tư xây dựng ĐT.118 (Chiềng Xôm - Chiềng Ngần - Mường Bằng - Hát Lót)	Chiều dài 40km;	1.786.000	UBND TP Sơn La	Dài hạn
3	Dự án đường đôi nội thị từ Chiềng Sinh đến Nà Sản	Chiều dài 7km	250.000	Sở Giao thông Vận tải - UBND thành phố	Dài hạn
4	Đầu tư xây dựng Cảng hàng không Nà Sản, tỉnh Sơn La	249,5ha	2.586.000	Sở Giao thông Vận tải Sở kế hoạch và Đầu tư	Dài hạn
5	Tuyến đường Chiềng Ngần - Chiềng Sinh: Nguyễn Văn Cừ - Lê Hồng Phong - Trần Phú	5 km; Bn (30-45 m)	250.000	UBND TP.Sơn La	
6	Tuyến đường Lê Đức Thọ - Đại học Tây Bắc	Khoảng 3km; Bn (11,5-25 m)	80.000	UBND TP.Sơn La	
7	Tuyến đường từ Noong Đúc - QL 6 tránh TP.Sơn La	1,5 km; Bn (13,5-24,5m)	60.000	UBND TP.Sơn La	
8	Tuyến đường Chu Văn An nhánh II - QL6 nội thị - tuyến tránh QL6	1 km; Bn = 20,5 m	45.000	UBND TP.Sơn La	
9	Tuyến đường từ Nhà hàng Vườn đào - QL 6 tránh TP	2 km; Bn = 16,5 m	80.000	UBND TP.Sơn La	
10	Kè suối Nặm La, thành phố Sơn La (đoạn từ Viện Dưỡng lão đến trung tâm xã Hua La)	2,5km	75.000	UBND TP.Sơn La	
11	Tuyến đường nối từ đường tỉnh lộ 118 đi bản Nà Ngần, xã Chiềng Ngần (đường vào Công viên nghĩa trang)	2km	80.000	UBND TP.Sơn La	

TT	Dự án	Quy mô	Mức vốn đầu tư	Đơn vị chủ trì	Chi chú
12	Cải tạo nâng cấp QL 279D (Huội Quảng - TP Sơn La)	77,5	1.356.000	Sở Giao thông Vận tải	
13	Đường vành đai đô thị thành phố Sơn La thị trấn Mai Sơn	123	2.153.000	UBND Thành phố UBND huyện Mai Sơn	
<b>II</b>	<b>Thương mại dịch vụ</b>		<b>400.000</b>		
1	Trung tâm thương mại phường Chiềng Sinh, TP Sơn La	01ha	100.000	Sở Công thương	
2	Chợ đầu mối nông sản	6-10ha	300.000	Sở Công thương	Dài hạn
<b>III</b>	<b>Lĩnh vực Kết cấu hạ tầng đô thị</b>		<b>300.000</b>		
1	Nhà máy nước sạch và Hệ thống tuyến ống cấp I-II	Công suất 25000-3000m3/ ngày đêm	300.000	Nhà đầu tư	Dài hạn
<b>IV</b>	<b>An ninh, quốc phòng</b>		<b>150.000</b>		
1	Trụ sở làm việc Công an TP Sơn La	Đầu tư XD Khu làm việc; Khu ở doanh trại CBCS; Đội PCCC&CNCH; Khu tiếp dân; Kho vật chứng; hạng mục phụ trợ; Trang thiết bị	100.000	Công an tỉnh	
2	Bệnh xá Công an tỉnh Sơn La	Đầu tư XD bệnh xá thuộc Công an tỉnh Sơn La đảm bảo quy mô 40 giường bệnh.	50.000	Công an tỉnh	
<b>V</b>	<b>Phát triển nhà ở, công cộng tại các đô thị, hạ tầng kỹ thuật khu đô thị mới</b>		<b>3.548.000</b>		
1	Khu dân cư giải trí cao cấp gắn với sân Golf	Hình thành khu đô thị, dịch vụ thể thao gắn với sân golf, quy mô (diện tích 30 ha)	587.000	Nhà đầu tư	Dài hạn
2	Khu dân cư mới phường Chiềng Cơi	Hình thành KĐT mới với quy mô dân số khoảng 900 người (diện tích khoảng 7,5 ha)	587.000	Nhà đầu tư	Dài hạn

TT	Dự án	Quy mô	Mức vốn đầu tư	Đơn vị chủ trì	Chi chú
3	Nhà ở xã hội tại bản Lay và Tổ 5 phường Chiềng Sinh	Hình thành khu Nhà ở xã hội với quy mô dân số khoảng 600 người (diện tích 6,54 ha)	587.000	Nhà đầu tư	Dài hạn
4	Khu đô thị Sân bay Nà Sản	Hình thành KĐT mới	587.000	Nhà đầu tư	Dài hạn
5	Khu đô thị sinh thái Bản Co Pục, xã Chiềng Ngần, Thành phố Sơn La	QH phân khu XD khu đô thị Chiềng Ngần (tại QĐ số 1128/QĐ-UBND ngày 26/6/2023)	1.200.000	Nhà đầu tư	Dài hạn
<b>VI</b>	<b>Trụ sở của cơ quan quản lý nhà nước</b>		<b>200.000</b>		
1	Trụ sở Ban Chỉ huy Quân Sự (tại phường Chiềng Sinh)	4,1ha	200.000	Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh	
<b>VII</b>	<b>Văn hóa xã hội, cây xanh, cảnh quan đô thị</b>		<b>200.000</b>		
1	Dự án bảo quản, tu bổ, phục hồi và phát huy giá trị Di tích quốc gia đặc biệt Nhà tù Sơn La	GPMB, tu bổ, phục hồi, HTKT theo quy hoạch	100.000	Sở Văn hóa - Thể thao và Du lịch	
2	Bảo tàng tỉnh	0,9ha	30.000	Sở Văn hóa - Thể thao và Du lịch	
27	Nhà hát tỉnh	1 ha	50.000	Sở Văn hóa - Thể thao và Du lịch	
28	Thư viện tỉnh	1 ha	20.000	Sở Văn hóa - Thể thao và Du lịch	
<b>VII</b>	<b>Lĩnh vực môi trường</b>		<b>542.000</b>		
29	Công viên nghĩa trang tại TP Sơn La	120 -180 ha	500.000	Nhà đầu tư	Dài hạn
30	Cụm Công nghiệp Hoàng Văn Thụ	60 ha	42.000	Nhà đầu tư	